TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 4 - 2019
"*V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc

2. Ông Lê Văn Đáng

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Nguyễn Thị C, sinh năm 1982 (có mặt)
Địa chị: Ấp B, xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Bị đơn***: Trần Văn H, sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Ấp Vi, xã V, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2019, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Thị C trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2004 chị C và anh Trần Văn H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, đến năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Cầu Ngang. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến khoảng năm 2011 anh H gặp tai nạn bị thương tích ở chân nên chị đưa đi chữa trị và trực tiếp chăm sóc anh H đến khi kinh tế gia đình gặp khó khăn thì chị đưa anh H về nhà mẹ ruột ở tạm để

chị đi làm, sau đó chị có rước anh H về nhưng gia đình anh H không cho rước và anh H không đồng ý về nên chị và anh H sống riêng khoảng 08 năm nay. Nay chị C thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung tên Trần Huế Tr, sinh ngày 04/10/2005, do chị C đang nuôi dưỡng nên chị C yêu cầu tiếp tục nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị C không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị C không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị C không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh H có lời khai như sau:

Về hôn nhân giữa anh và chị C chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định, trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn khi anh bị tai nạn đi lại khó khăn thì chị C đưa anh về nhà mẹ ruột sống, bỏ mặc không quan tâm, chăm sóc anh khoảng năm 2012 đến nay. Nay anh H thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với chị C; về con chung tên Trần Huế Tr, sinh ngày 04/10/2005 để tùy theo nguyện vọng của con; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả anh H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Anh H không còn tranh chấp khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên việc chấp hành pháp luật của anh H là chưa đúng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trần Văn H và giao con chung tên Trần Huế Tr, sinh ngày 04/10/2005 cho chị C được quyền nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung, nợ chung các đương sự không tranh chấp nên không đề nghị xem xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm đề nghị buộc chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Trần Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn H, địa chỉ tại ấp V, xã V, huyện Cầu Ngang và yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự làm cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị C và anh Trần Văn H chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị C và anh H là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị C và anh H có bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau khoảng năm 2012 đến nay. Xét thấy, sau khi chị C và anh H không còn chung sống với nhau thì mỗi người có cuộc sống riêng, không bên nào tìm cách hòa giải hàn gắn lại, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị C, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, anh H đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C.

[4] Về con chung: Chị C và anh H xác định có một con chung tên Trần Huế Tr, sinh ngày 04/10/2005, chị C yêu cầu được nuôi con và Huế Tr có nguyện vọng được sống chung với chị C.

Xét thấy, trong thời gian nuôi con thì chị C đảm bảo cuộc sống của con ổn định về vật chất, tinh thần. Anh H không tranh chấp về việc nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung tên Trần Huế Tr cho chị C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị C và anh H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị C và anh H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về số nợ phải thu, phải trả: Chị C và anh H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C và anh Trần Văn H được ly hôn với nhau.

2. Về nuôi con chung: Giao chị Nguyễn Thị C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Huế Tr, sinh ngày 04/10/2005.

Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000264 ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị C đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên toà nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Thoa